

Số: **217/2022/QĐST-DS**

Quận 6, ngày 21 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Thị Mỹ Quý

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:* Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 92/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 31/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, gồm có những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: A15/35D ấp 1 xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG SỰ VIỆC:**

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự - Bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1973 theo giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/01/1973 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, bà và ông T sống chung với gia đình bên chồng tại địa chỉ 169/20 đường G, Phường A, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng bà sống chung với nhau được hai năm thì ông T bỏ nhà đi khỏi địa phương. Bà và gia đình cũng đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức gì của ông T. Trong thời gian chung sống, bà và ông T không có con chung. Ông T có cha tên là Nguyễn Văn K (chết ngày 13/3/1991) và mẹ tên là Nguyễn Thị M (chết ngày 31/3/2000).

Do ông T bỏ đi từ năm 1975 và biệt tích đã lâu, không có tin tức còn sống hay đã chết nên vào năm 2018 bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Văn T mất tích. Ngày 20/7/2018, Tòa án nhân dân Quận 6 ban hành Quyết định số 424/2018/QĐDS-ST ngày 20/7/2018 chấp nhận yêu cầu của bà tuyên bố ông Nguyễn Văn T mất tích. Từ khi bà tuyên bố ông T mất tích đến nay thì bà cũng không có tin tức gì của ông T là còn sống hay đã

chết. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 tuyên bố ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1952 có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 169/20 đường G, Phường A, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ thông báo tìm kiếm ông Nguyễn Văn T trên Báo Lao động trong ba số liên tiếp là số 116 ngày 23/5/2022, số 117 ngày 24/5/2022, số 118 ngày 25/5/2022; Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng nhắn tin tìm ông T trong ba ngày 09, 10 và 11/6/2022 đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông T còn sống hay đã chết. Ngoài ra, căn cứ Quyết định số 424/2018/QĐDS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 về việc tuyên bố ông Nguyễn Văn T mất tích đến nay đã hơn ba năm. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn T là một người đã chết là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các Điều 391, Điều 392 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị H tuyên bố ông Nguyễn Văn T là một người đã chết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1952 có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 169/20 đường G, Phường A, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là một người đã chết. Đây là việc dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **[2] Về yêu cầu của đương sự:**

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/01/1973 đăng ký Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Căn cứ trích lục khai tử số 175/TLKT-BS ngày 23/3/2022 và trích lục khai tử số 175/TLKT-BS ngày 23/3/2022 thì ông T có cha tên là Nguyễn Văn K (chết ngày 13/3/1991) và mẹ tên là Nguyễn Thị M (chết ngày 31/3/2000).

Căn cứ Quyết định số 424/2018/QĐDS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 về việc yêu cầu tuyên bố một người là mất tích thì ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng tại số 169/20 đường G, Phường A, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và không có mặt tại địa phương từ năm 1976 đến nay, chuyển đi đâu không rõ.

Như vậy, ông Nguyễn Văn T đã biệt tích năm năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống hay đã chết nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 6 có đủ cơ sở tuyên bố ông Nguyễn Văn T là một người đã chết.

[3] Về ngày chết của ông Nguyễn Văn T:

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ngày chết của ông Nguyễn Văn T là ngày kế tiếp của ngày sau ba năm kể từ khi quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 424/2018/QĐDS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 về việc yêu cầu tuyên bố một người là mất tích; Biên bản niêm yết ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 thì Quyết định số 424/2018/QĐDS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 về việc yêu cầu tuyên bố một người là mất tích có hiệu lực ngày 07/8/2018. Như vậy, ngày chết của ông Nguyễn Văn T là ngày 08/8/2021.

[4] Về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của ông Nguyễn Văn T:

Theo quy định tại Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015: Khi quyết định của Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn T là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của ông T được giải quyết như đối với một người là đã chết. Tài sản của ông T được giải quyết theo pháp luật về thừa kế.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Đỗ Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 367, 369, 370, 371, 372, 391, 392, 393 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 68, Điều 71, Điều 72 Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người là đã chết của bà Đỗ Thị H.

Tuyên bố ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1952 có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 169/20 đường G, Phường A, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là một người đã chết.

Ngày chết của ông Nguyễn Văn T là ngày 08/8/2021.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn T là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của ông Nguyễn Văn T được giải quyết như đối với một người là đã chết.

Quan hệ tài sản của ông Nguyễn Văn T được giải quyết như đối với một người đã chết, theo pháp luật về thừa kế; Tài sản của ông Nguyễn Văn T được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Đỗ Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án công bố quyết định giải quyết việc dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 6;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**  
(đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thanh Nhàn**